

Số: 550/BC-STP

Kon Tum, ngày 05 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO
Kết quả công tác phòng, chống tham nhũng năm 2023

Thực hiện Văn bản số 2493/UBND-NC ngày 02/8/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN); Văn bản số 3399/UBND-NC ngày 10/10/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Hướng dẫn số 25-HD/BCĐTW của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN, tiêu cực; Văn bản số 494/TTr-NV3 ngày 08/8/2022 của Thanh tra tỉnh về việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ công tác PCTN, Sở Tư pháp báo cáo công tác PCTN năm 2023 như sau:

A. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PCTN

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN trong phạm vi trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, địa phương; việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN

a. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác PCTN: Triển khai Kế hoạch số 263/KH-UBND ngày 31/01/2023 của UBND tỉnh về triển khai công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc trên địa bàn tỉnh năm 2023; Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 05/01/2023 của UBND tỉnh về triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL), hòa giải cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 trên địa bàn tỉnh, Sở Tư pháp đã ban hành Kế hoạch và văn bản⁽¹⁾ để triển khai thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong đơn vị, đảm bảo kịp thời, toàn diện, hiệu quả. Ngoài ra, Sở Tư pháp ban hành Văn bản số 1247/STP-TTr ngày 21/7/2023 về việc quán triệt và triển khai Phát biểu kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị sơ kết 01 năm hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cấp tỉnh để triển khai trong đơn vị.

¹ Kế hoạch số 28/KH-STP ngày 08 tháng 3 năm 2023; Văn bản số 89/STP-XDKrT&PBPL ngày 13/01/2023 về hướng dẫn PBGDPL Quý I năm 2023; Kế hoạch số 33/KH-STP ngày 17/03/2023 của Sở Tư pháp về kiểm soát xung đột lợi ích năm 2023 tại Sở Tư pháp.

b. Công tác chỉ đạo, triển khai, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chiến lược quốc gia PCTN và các nhiệm vụ, chương trình công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN: Không.

c. Việc tổng kết, đánh giá, rà soát và lập danh mục những quy định pháp luật còn thiếu, sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng, qua đó tự mình hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp: Không.

d. Tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác PCTN: Sở Tư pháp giao cho Thanh tra Sở chủ trì, phối hợp với các Phòng, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở thực hiện công tác PCTN trong cơ quan.

đ. Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN

- Nêu cụ thể:

+ Sở Tư pháp đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 05/01/2023 về công tác PBGDPL; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 trên địa bàn tỉnh. Định kỳ hàng quý, Sở Tư pháp ban hành các văn bản hướng dẫn PBGDPL nói chung bằng các hình thức, nội dung cụ thể phù hợp với từng đối tượng, trong đó có các nội dung về PCTN⁽²⁾.

+ Số lượng băng rôn, áp phích: Không.

+ Đăng tải tổng cộng 70 tin, bài trên Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp và Trang thông tin điện tử PBGDPL tỉnh.

+ Các hình thức tuyên truyền khác: Không.

2. Về thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

a. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động

- Kết quả công khai, minh bạch theo Điều 10 Luật PCTN: Sở Tư pháp thực tốt việc công khai, minh bạch các nội dung cụ thể sau:

+ Thực hiện đầy đủ các chính sách, pháp luật có liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của công chức, viên chức và người lao động (CCVC và NLĐ); tiết kiệm chi để tăng thu nhập cho CCVC và NLĐ trong cơ quan. Thường xuyên cử CCVC tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ công tác. Từ đầu năm đến nay, đã cử 02 lượt công chức tập sự tham gia học lớp bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch Chuyên viên.

² Văn bản số 89/STP-XDKTr&PBPL ngày 13/01/2023 về việc hướng dẫn PBGDPL Quý I/2023 và Văn bản số 544/STP-XDKTr&PBPL ngày 06/4/2023 về việc hướng dẫn PBGDPL Quý II/2023.

+ Thường xuyên quán triệt và lãnh đạo, chỉ đạo CCVC và NLĐ thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý và sử dụng tài sản công, đảm bảo chặt chẽ, không để hư hỏng, mất mát.

+ Thực hiện có hiệu quả, đúng quy định trong công tác tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm, luân chuyển CCVC thuộc thẩm quyền của Sở, đảm bảo hợp lý và phát huy hiệu quả. Thường xuyên chỉ đạo CCVC và NLĐ thực hiện đúng quy tắc ứng xử trong cơ quan, chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính và nội quy, quy chế; giữ gìn đoàn kết nội bộ và phát huy dân chủ trong cơ quan.

b. Kết quả xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ: Sở Tư pháp đã ban hành Quyết định số 122/QĐ-STP ngày 05/10/2023 về Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan Sở Tư pháp, đảm bảo bao quát đầy đủ các định mức, tiêu chuẩn và chế độ theo quy định.

c. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn: Lãnh đạo Sở và Thủ trưởng các các Phòng, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở thực hiện nghiêm túc quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn.

d. Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn: Sở Tư pháp đã ban hành Kế hoạch số 01/KH-STP ngày 16/01/2023 về luân chuyển, điều động, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác đối với CCVC và NLĐ năm 2023 để triển khai thực hiện.

đ. Kết quả thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt: Sở Tư pháp thường xuyên đổi mới và áp dụng khoa học, công nghệ trong công tác quản lý và điều hành. Thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin và ứng dụng phần mềm quản lý văn bản điện tử VNPT - Ioffice trong quá trình xử lý công việc nội bộ. Qua đó, góp phần nâng cao chất lượng quản lý và năng suất công việc, giảm chi phí hành chính. Việc trả lương, phụ cấp và các khoản thu nhập khác,...đều thanh toán qua tài khoản ngân hàng.

e. Kết quả thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn

- Số người đã kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ (*trong đó số người: kê khai lần đầu, kê khai bổ sung, kê khai hàng năm, kê khai phục vụ công tác cán bộ*): 20.

- Số bản kê khai được công khai, hình thức công khai: 20.

- Số người được xác minh tài sản thu nhập; kết quả xác minh: 0.

- Số người bị xử lý do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập; hình thức xử lý: 0.

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng: Sở Tư pháp đã có Văn bản số 173/STP-TTr ngày 9/5/2023 về việc cung cấp bổ sung số liệu phòng, chống tham nhũng, tiêu cực gửi Thanh tra tỉnh (*gửi kèm Báo cáo này*).

4. Kết quả PCTN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước: Không.

5. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong PCTN: Không.

6. Hợp tác quốc tế về PCTN: Không.

7. Kết quả tổ chức phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm
Hướng dẫn số 25-HD/BCĐTW, ngày 01-8-2022 của Ban Chỉ đạo Trung ương
về PCTN, tiêu cực: Thực hiện Văn bản số 3399/UBND-NC ngày 10/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Hướng dẫn số 25-HD/BCĐTW của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN, tiêu cực, Sở Tư pháp đã ban hành Văn bản số 1570/STP-TTr ngày 13/10/2022 về thực hiện Hướng dẫn số 25-HD/BCĐTW của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN, tiêu cực.

(Gửi kèm Biểu 01/PCTN, 02/PCTN, 03/PCTN)

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THAM NHŨNG

1. Đánh giá tình hình

a. Trong năm, Sở Tư pháp đã triển khai và thực hiện tốt các giải pháp về công tác PCTN, chú trọng việc thực hiện công tác PBGDPL về PCTN.

b. So sánh tình hình với kỳ trước hoặc cùng kỳ năm trước: Trong năm, xảy ra vụ việc tiêu cực tại Phòng Công chứng số 2; Viên chức có hành vi vi phạm đã bị xử lý kỷ luật Đảng, chính quyền theo đúng quy định³.

2. Dự báo tình hình tham nhũng

a. Dự báo tình hình tham nhũng trong thời gian tới (*khả năng tăng, giảm về số vụ việc, số đối tượng, tính chất, mức độ vi phạm...*): Không xảy ra tham nhũng.

b. Dự báo những lĩnh vực, nhóm hành vi dễ xảy ra nhiều tham nhũng cần phải tập trung các giải pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng: Không.

III. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN

1. Đánh giá chung về hiệu lực, hiệu quả công tác PCTN trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý:

- Công tác PCTN luôn được Lãnh đạo Sở xác định là nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên chỉ đạo thực hiện; công tác PCTN được gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của cơ quan. Chủ động đề ra các giải pháp để triển khai kịp

³ Bà Huỳnh Thị Mai Xuân, Công chứng viên Phòng Công chứng số 2.

thời, đầy đủ các nội dung chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các cấp có thẩm quyền về PCTN.

- CCVC và NLĐ trong cơ quan thực hiện nghiêm túc Luật PCTN, góp phần đẩy mạnh phong trào đấu tranh PCTN, ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

2. So sánh hiệu quả công tác PCTN kỳ này với kỳ trước hoặc cùng kỳ năm trước: Trong năm, xảy ra vụ việc tiêu cực tại Phòng Công chứng số 2.

3. Tự đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của công tác PCTN: Hoàn tốt nhiệm vụ về công tác PCTN.

4. Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác PCTN: Không.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp: Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chỉ thị số 27-CT/TW của Bộ Chính trị; Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; Kết luận số 05-KL/TW, ngày 03-6-2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng và Hướng dẫn số 25-HD/BCĐTW của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN, tiêu cực.

2. Kiến nghị, đề xuất: Không.

B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KHÁC

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Công tác kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL)

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 4434/KH-UBND ngày 30/12/2022 triển khai công tác pháp chế; kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Tự kiểm tra: Tiến hành tự kiểm tra 45 Quyết định do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành. Qua tự kiểm tra chưa phát hiện văn bản trái pháp luật.

- Kiểm tra theo thẩm quyền: Đã tiến hành kiểm tra 32 văn bản do HĐND-UBND cấp huyện ban hành; qua kiểm tra chưa phát hiện văn bản trái pháp luật.

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo rà soát, kiểm tra các văn bản liên quan đến các chuyên đề của Bộ Tư pháp: các văn bản liên quan đến việc huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19; việc thực hiện chính sách, pháp luật về y tế cơ sở, y tế dự phòng (chuyên đề 1); các văn bản liên quan đến việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các

Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (chuyên đề 2)⁽⁴⁾.

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh Báo cáo kết quả tự kiểm tra VBQPPL; văn bản có chứa quy phạm pháp luật nhưng không được ban hành dưới hình thức VBQPPL do HĐND, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành⁽⁵⁾.

- Báo cáo rà soát, kiểm tra các văn bản liên quan đến khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 80/2023/NQ-QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về tiếp tục thực hiện một số chính sách trong phòng, chống dịch COVID-19 và sử dụng giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc hết thời hạn hiệu lực từ 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024⁽⁶⁾.

- Trình UBND tỉnh Báo cáo kết quả xử lý văn bản liên quan đến đặt, đổi tên đường, phố trên địa bàn tỉnh⁽⁷⁾.

- Trình UBND tỉnh báo cáo kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính trái thẩm quyền trên địa bàn tỉnh Kon Tum⁸.

- Báo cáo kết quả tự kiểm tra, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành⁹.

- Trình UBND tỉnh văn bản chỉ đạo về việc đề nghị gửi kết quả rà soát, lập danh mục và tự kiểm tra văn bản theo chuyên đề theo đề nghị của Bộ Tư pháp⁽¹⁰⁾.

- Báo cáo kết quả soạn thảo, ban hành, kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2023¹¹.

- Trình UBND tỉnh báo cáo tình hình công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật phục vụ Đoàn kiểm tra liên ngành của Bộ Tư pháp¹².

2. Rà soát hệ thống hóa các VBQPPL

- Thường xuyên thực hiện việc rà soát các văn bản do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành để kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 262/KH-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2023 về hệ thống hóa VBQPPL kỳ 2019 - 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

⁴ Tờ trình số 01/TT-STP ngày 04/01/2023 của Sở Tư pháp; Báo cáo số 20/BC-UBND ngày 01/02/2023 của UBND tỉnh.

⁵ Công văn số 733/STP-XDKTr&PBPL ngày 08/5/2023; Tờ trình số 67/TTr-STP ngày 23/5/2023 của Sở Tư pháp.

⁶ Công văn số 853/STP-XDKTr&PBPL ngày 23/5/2023; Báo cáo số 215/BC-STP ngày 31/5/2023 của Sở Tư pháp.

⁷ Tờ trình số 68/TTr-STP ngày 29/5/2023;

⁸ Tờ trình số 124/TTr-STP ngày 24/8/2023;

⁹ Công văn số 1003/STP-XDKTr&PBPL ngày 15/6/2023; Báo cáo số 330/BC-STP ngày 11/8/2023.

¹⁰ Tờ trình số 146/TTr-STP ngày 05/10/2023; Công văn số 3521/UBND-NC ngày 16/10/2023 của UBND tỉnh.

¹¹ Báo cáo số 439/BC-UBND ngày 28/11/2023 của UBND tỉnh.

¹² Tờ trình số 172/TTr-STP ngày 23/11/2023; Báo cáo số 433/BC-UBND ngày 24/11/2023 của UBND tỉnh.

- Tổng hợp, kiểm tra kết quả rà soát, trình Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục VBQPPL do HĐND, UBND tỉnh Kon Tum ban hành hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần trong năm 2022⁽¹³⁾. Chủ tịch UBND tỉnh đã công bố tại Quyết định số 39/QĐ-CTUBND ngày 30 tháng 01 năm 2023 về công bố Danh mục VBQPPL do HĐND, UBND tỉnh Kon Tum ban hành hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần trong năm 2022⁽¹⁴⁾.

- Văn bản về việc ý kiến đối với kết quả rà soát, xác định VBQPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành hết hiệu lực trong năm 2022⁽¹⁵⁾.

- Báo cáo kết quả rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến Quyết định số 25/2022/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh⁽¹⁶⁾.

- Tổ chức rà soát, kiểm tra các Quyết định định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định trong các lĩnh vực: Nông nghiệp và phát triển nông thôn, xây dựng, giao thông vận tải, lao động - thương binh và xã hội...; qua rà soát đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bãi bỏ 41 Quyết định, 04 Chỉ thị⁽¹⁷⁾.

- Trình UBND tỉnh báo cáo kết quả rà soát các văn bản do Thủ tướng Chính phủ ban hành⁽¹⁸⁾.

- Trình UBND tỉnh văn bản về việc rà soát, lập danh mục VBQPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành đang còn hiệu lực thi hành theo yêu cầu tại Công văn số 970/BTP-KTrVB ngày 20/3/2023 Bộ Tư pháp⁽¹⁹⁾.

- Rà soát, hoàn thiện các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của địa phương về quản lý, sử dụng tài sản công⁽²⁰⁾.

- Rà soát, kiểm tra các văn bản liên quan đến chuyên đề về các chương trình mục tiêu quốc gia²¹.

- Trình UBND tỉnh ban hành văn bản về việc tăng cường công tác rà soát văn bản²².

- Trình UBND tỉnh Báo cáo rà soát văn bản, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định bất cập, những vấn đề vướng mắc trong các luật, văn bản dưới luật²³.

¹³ Tờ trình số 06/TTr-STP ngày 06/01/2023;

¹⁴ Trong đó: 39 văn bản hết hiệu lực toàn bộ trong năm 2022, 13 văn bản hết hiệu lực toàn bộ thuộc đối tượng của các kỳ công bố trước nhưng chưa được công bố, 08 văn bản hết hiệu lực một phần trong năm 2022, 01 văn bản hết hiệu lực một phần thuộc đối tượng của các kỳ công bố trước nhưng chưa được công bố

¹⁵ Công văn số 73/STP-XDKTr&PBPL ngày 12/01/2023;

¹⁶ Báo cáo số 20/BC-STP ngày 14/01/2023 của Sở Tư pháp;

¹⁷ Quyết định số 19/2023/ ngày 24 tháng 4 năm 2023 của UBND tỉnh Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành

¹⁸ Công văn số 599/STP-XDKTr&PBPL ngày 13/4/2023 ; Tờ trình số 48/TTr-STP ngày 18/4/2023.

¹⁹ Công văn số 526/STP-XDKTr&PBPL ngày 04/4/2023 ; Tờ trình số 49/TTr-STP ngày 24/4/2023.

²⁰ Công văn số 718/STP-XDKTr&PBPL ngày 04/5/2023

²¹ Công văn số 1083/STP-XDKTr&PBPL ngày 28/6/2023; Tờ trình số 95/TTr-STP ngày 05/7/2023.

²² Tờ trình số 112/TTr-STP ngày 07/8/2023.

²³ Công văn số 1310/STP-XDKTr&PBPL ngày 31/7/2023; Tờ trình số 116/TTr-STP ngày 15/8/2023.

- Trình UBND tỉnh báo cáo rà soát các quy định có mâu thuẫn, chồng chéo, sơ hở, bất cập, các vấn đề vướng mắc trong các luật, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, văn bản dưới luật thuộc các lĩnh vực trọng tâm rà soát theo yêu cầu của Nghị quyết số 101/2023/QH15²⁴.

- Tổ chức 02 Hội nghị bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác rà soát, hệ thống hóa VBQPPL năm 2023 cho các đối tượng là cán bộ, công chức phụ trách công tác pháp chế, công tác rà soát, kiểm tra, hệ thống hóa VBQPPL của các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh; Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Bộ đội Biên phòng tỉnh; Cục thuế tỉnh; công chức phụ trách, theo dõi công tác VBQPPL của Văn phòng Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Phòng Tư pháp các huyện, thành phố; Công chức Tư pháp - Hộ tịch các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

- Báo cáo về việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Kon Tum⁽²⁵⁾.

- Phối hợp rà soát và có ý kiến đối với kết quả tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực lao động - thương binh và xã hội; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Dân tộc; kế hoạch, đầu tư và thống kê; công thương; Giáo dục và Đào tạo; thông tin và truyền thông; Khoa học và Công nghệ; Giao thông vận tải; Ngoại giao; tài nguyên và môi trường; tài chính²⁶.

3. Công tác Phổ biến, giáo dục pháp luật

a) Công tác tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện: Sở Tư pháp trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 05/01/2023 về công tác PBGDPL; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 nhằm chỉ đạo, định hướng cho các ngành, địa phương tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung các Luật, Pháp lệnh, văn bản mới ban hành, văn bản liên quan chặt chẽ đến tình hình chính trị, kinh tế, xã hội ở địa phương cũng như các cơ chế, chính sách liên quan trực tiếp đến đời sống, sinh hoạt của Nhân dân, trong đó chú trọng các nội dung liên quan đến PCTN. Định kỳ hàng quý, Lãnh đạo Sở ban hành các văn bản hướng dẫn PBGDPL nói chung bằng các hình thức, nội dung cụ thể phù hợp với từng đối tượng, trong đó có các nội dung về PCTN²⁷ như: Luật PCTN năm 2018; Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật PCTN; Nghị định số

²⁴ Tờ trình số 123/TTr-STP ngày 23/8/2023.

²⁵ Báo cáo số 373/BC-STP ngày 11/9/2023.

²⁶ Công văn số 1788/STP-XDKTr&PBPL ngày 06/10/2023; Công văn số 1877/STP-XDKTr&PBPL ngày 18/10/2023; Công văn số 1927/STP-XDKTr&PBPL ngày 25/10/2023; Công văn số 1954/STP-XDKTr&PBPL ngày 27/10/2023; Công văn số 1672/STP-XDKTr&PBPL ngày 21/9/2023...

²⁷ Các Văn bản: số 89/STP-XDKTr&PBPL ngày 13/01/2023 về việc hướng dẫn PBGDPL Quý I/2023; số 544/STP-XDKTr&PBPL ngày 06/4/2023 về việc hướng dẫn PBGDPL Quý II/2023; số 1164/STP-XDKTr&PBPL ngày 07/7/2023 về việc hướng dẫn phổ biến, giáo dục pháp luật Quý III năm 2023.

134/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2019/NĐ-CP...

b) Kết quả đạt được

Biên soạn, phát hành 10.000 tờ gấp phổ biến pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở trong PCTN gửi các ngành, địa phương nghiên cứu, tìm hiểu; Tổ chức 01 Hội nghị phổ biến kiến thức pháp luật tại huyện Ia H'Drai với sự tham gia của 42 đại biểu là cán bộ, Nhân dân trên địa bàn, trong đó tập trung chú trọng phổ biến, giới thiệu những nội dung chính quyền địa phương cấp xã phải công khai, những nội dung cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia ý kiến trước khi người đứng đầu cơ quan, đơn vị quyết định... liên quan đến PCTN trong thực hiện dân chủ ở cơ sở; Đăng tải các tin, bài viết về PCTN trong biên soạn, phát hành 06 số Thông tin phổ biến pháp luật (6.600 cuốn), 04 số Tập san Tư pháp (2.800 cuốn) theo định kỳ; Hướng dẫn các ngành, địa phương triển khai công tác PBGDPL nói chung, chú trọng phổ biến các văn bản có nội dung liên quan đến pháp luật về PCTN²⁸ theo định kỳ; Tổ chức 01 lớp bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ về PBGDPL; phổ biến kiến thức pháp luật cho 80 đại biểu là báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh tại thành phố Kon Tum trong đó có 01 chuyên đề giới thiệu các quy định của pháp luật về PCTN.

Ngoài ra, thường xuyên đăng tải nội dung các văn bản pháp luật mới, các văn bản liên quan đến PCTN trên Trang Thông tin điện tử của Sở và Trang Thông tin điện tử PBGDPL tỉnh nhằm góp phần nâng cao kiến thức, sự hiểu biết của mọi người về pháp luật PCTN.

II. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, TỒN TẠI, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN: Không.

Trên đây là báo cáo kết quả công tác PCTN năm 2023 của Sở Tư pháp, kính gửi Thanh tra tỉnh biết, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở (đ/b);
- Văn phòng Sở;
- Trang Thông tin điện tử của Sở (để đ/t);
- Lưu VT, TTr/STP./.

GIÁM ĐỐC



Trần Minh Thắng

²⁸ Công văn số 1825/STP-XDKTr&PBPL ngày 12/10/2023 về việc hướng dẫn PBGDPL Quý IV/2023.

TỔNG HỢP KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG
(Số liệu tính từ ngày 15/12/2022 đến ngày 30/11

MS	NỘI DUNG	ĐVT
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT	
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác PCTN	Văn bản
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản
3	Số văn bản được bãi bỏ để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN	
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về PCTN được tổ chức	Lớp
5	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, Nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người

6	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật PCTN được xuất bản	Tài liệu
7	Số lượng băng rôn, áp phích về PCTN được treo	Băng rôn
8	Số tin bài được đăng tải trên Trang thông tin điện tử	tin bài
9	Số tin bài được phát sóng, phát thanh trên truyền hình, loa đài	tin bài
	PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ	
	<i>Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động</i>	
10	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV
11	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV
	<i>Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch</i>	
12	Số người vi phạm các quy định về công khai, minh bạch bị xử lý (Điều 81 Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	Người
	<i>Cụ thể cá nhân (chức vụ, đơn vị công tác) vi phạm về công khai, minh bạch đã bị xử lý, kết quả xử lý</i>	
	Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ	
13	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới	Văn bản
14	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Văn bản
15	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ (<i>tự kiểm tra tại đơn vị, đơn vị trực thuộc hoặc thanh kiểm tra theo thẩm quyền</i>)	Cuộc
16	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Vụ
	<i>Tên vụ/cuộc thanh tra, kiểm tra phát hiện vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ</i>	

17	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Người
	<i>Cụ thể cá nhân (chức vụ, đơn vị công tác) vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ</i>	
18	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính (Điều 81 Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	Người
	<i>Cụ thể cá nhân (chức vụ, đơn vị công tác) vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính, kết quả xử lý</i>	
19	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự	Người
	<i>Cụ thể cá nhân (chức vụ, đơn vị công tác) vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự, kết quả xử lý</i>	
20	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng
21	Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng
	Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	
22	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	CQ, TC, ĐV
23	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người
	<i>Cụ thể cá nhân (chức vụ, đơn vị công tác) vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý, kết quả xử lý</i>	
24	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người
25	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng
26	Số người bị xử lý do có vi phạm quy định về xung đột lợi ích (Điều 84 Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	Người
	<i>Cụ thể cá nhân (chức vụ, đơn vị công tác) vi phạm xung đột lợi ích đã bị xử lý, kết quả xử lý</i>	
27	Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ	Người
	<i>Cụ thể cá nhân, chức vụ, đơn vị đã công tác bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ, kết quả xử lý</i>	
	Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn	
28	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người

29	Số người bị xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác.	Người
	<i>Cụ thể cá nhân (chức vụ, đơn vị công tác) vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác đã bị xử lý, kết quả xử lý</i>	
	<i>Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt</i>	
30	Số thủ tục hành chính công được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục
31	Số thủ tục hành chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục
32	Số thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên	Lượt thủ tục
33	Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Cuộc
34	Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Vụ
35	Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (1)	Triệu đồng
36	Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán (2)	%
	<i>Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn</i>	
37	Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ	Người
38	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người
39	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	CQ, TC, ĐV
40	Số người bị kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người
40.1	<i>Số người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực</i>	Người
40.2	<i>Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập</i>	Người
40.3	<i>Cụ thể cá nhân, chức vụ, đơn vị công tác bị xử lý do có vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập, kết quả xử lý</i>	
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ	
41	Tổng số vụ việc tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Vụ
42	Tổng số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Người
	<i>Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị</i>	
43	Số cuộc kiểm tra, tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Cuộc

44	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Vụ
45	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Người
46	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Vụ
47	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Người
48	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng PCTN	Vụ
	<i>- Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan Thanh tra</i>	<i>Vụ</i>
49	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng PCTN	Người
	<i>- Trong đó số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan Thanh tra</i>	<i>Người</i>
	<i>Qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán</i>	
50	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Vụ
51	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Người
52	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra	Vụ
53	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra	Người
54	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Vụ
55	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Người
	<i>Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng</i>	
56	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ việc
57	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng đã được xem xét	Vụ việc
58	Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ
59	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Người
60	Số người bị xử lý do có vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng (<i>Điều 85 Nghị định 59/2019/NĐ-CP</i>)	Người

	<i>Cụ thể cá nhân (chức vụ, đơn vị công tác) vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng, kết quả xử lý</i>	
	<i>Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</i>	
61	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ
62	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người
	<i>Qua các hoạt động khác (ngoài các hoạt động nêu trên, nếu có)</i>	
63	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua các hoạt động khác	Vụ
64	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua các hoạt động khác	Người
	<i>Qua điều tra tội phạm</i>	
65	Số vụ án tham nhũng (<i>thuộc phạm vi quản lý</i>) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ
66	Số đối tượng tham nhũng (<i>thuộc phạm vi quản lý</i>) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người
	<i>Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng</i>	
67	Số người tố cáo hành vi tham nhũng được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo	Người
68	Số người tố cáo hành vi tham nhũng bị trả thù	Người
69	Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thù người tố cáo	Người
70	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng	Người
	XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỂ XẢY RA THAM NHƯNG	
71	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người
72	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người
73	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người
73.1	- <i>Khiển trách</i>	Người
73.2	- <i>Cảnh cáo</i>	Người
73.3	- <i>Cách chức</i>	Người
	XỬ LÝ THAM NHƯNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ	
74	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (<i>thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của toà án</i>)	Vụ
75	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (<i>thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của toà án</i>), trong đó:	Người
75.1	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng</i>	Người
75.2	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng</i>	Người

75.3	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng	Người
75.4	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng	Người
76	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ
77	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người
78	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (<i>chưa có kết quả xử lý</i>)	Vụ
79	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (<i>chưa có kết quả xử lý</i>)	Người
	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được	
80	Bằng tiền (<i>tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam</i>)	Triệu đồng
81	Đất đai	m ²
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường	
82	Bằng tiền (<i>tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam</i>)	Triệu đồng
82.1	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính	Triệu
82.2	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp	Triệu
83	Đất đai	m ²
83.1	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp hành chính	m ²
83.2	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp tư pháp	m ²
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được	
84	Bằng tiền (<i>tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam</i>)	Triệu đồng
85	Đất đai	m ²
	PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG TRONG DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC	
86	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (<i>quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN</i>) thuộc phạm vi quản lý	Tổ chức
87	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (<i>quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN</i>) được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTN	Tổ chức
88	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (<i>quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN</i>) bị xử lý do có vi phạm pháp luật về PCTN	Tổ chức
89	Số vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Vụ
90	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Người

91	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý đã bị xử lý hình sự	Người
92	Thiệt hại gây ra bởi các vụ án tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (<i>tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam</i>)	Triệu đồng
93	Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (<i>tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam</i>)	Triệu đồng

*** Ghi chú:**

- Khi báo cáo các đơn vị không sửa nội dung các tiêu chí thống kê trong biểu số liệu;
- Chỉ đưa vào biểu mẫu này số liệu PCTN của đơn vị, địa phương; không thống kê kết chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn;
- (1), (2) Số liệu của Ngân hàng Nhà nước báo cáo.

Biểu số: 01/PCTN

G THAM NHỮNG

!/2023)

SỐ LIỆU
05 (Kế hoạch số 28/KH-STP ngày 08 tháng 3 năm 2023) Quý IV (Văn bản số 1825/STP-XDKTr&PBPL ngày 12/10/2023), Quý III (Văn bản số 1164/STP-XDKTr&PBPL ngày 07/7/2023), Quý II (Văn bản số 544/STP-XDKTr&PBPL ngày 06/4/2023), Quý I (Văn bản số 89/STP-XDKTr&PBPL ngày 13/01/2023)
0
0
01 Hội nghị phổ biến pháp luật về dân chủ ở cơ sở trong đó có nội dung liên quan đến phòng, chống tham nhũng trong thực hiện dân chủ ở cơ sở tại huyện Ia H'Drai (42 đại biểu là cán bộ, nhân dân trên địa bàn); 01 lớp bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ về PBGDPL; phổ biến kiến thức pháp luật cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh năm 2023 tại thành phố Kon Tum trong đó có 01 chuyên đề giới thiệu các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng (80 đại biểu là báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh)
122

10.000 tờ gấp phổ biến pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở trong phòng, chống tham nhũng; lồng ghép các tin, bài viết về phòng, chống tham nhũng trong biên soạn, phát hành 04 số Thông tin phổ biến pháp luật (4.400 cuốn), 03 số Tập san Tư pháp (2.100 cuốn) theo định kỳ
0
Đăng tải tổng cộng 70 tin, bài trên Trang TTĐT Sở Tư pháp và Trang TTĐT PBGDPL tỉnh
0
1
0
0
01 Quyết định số 122/QĐ-STP ngày 05/10/2023 của Sở Tư pháp về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum
0
0
0

0
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0

0
125
111
0
0
0
20
0
0
0
0
0
0

0
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0

0
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0

0
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0

0
0
0

t quả của các cơ quan Trung ương tổ

DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHỮNG ĐƯỢC PHÁT HIỆN TRONG KỲ

TT	Tên vụ	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị xảy ra sự việc	Cơ quan thụ lý, giải quyết vụ việc	Tóm tắt nội dung vụ việc, kết quả xử lý	Ghi chú
1	0	0	0	0	0
...					

KẾT QUẢ PHÁT HIỆN, KHẮC PHỤC CÁC VĂN BẢN CÒN SƠ HỒ, DỄ BỊ LỢI DỤNG ĐỂ THAM NHŨNG(*)

TT	Tên, số, ngày, tháng, năm	Cơ quan ban hành văn bản	Nội dung sơ hồ, dễ bị lợi dụng để tham nhũng	Kết quả khắc phục			Ghi chú
				Đã được khắc phục theo thẩm quyền	Chưa khắc phục xong	Nguyên nhân của việc chưa khắc phục xong	
<i>MS</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>
1	0	0	0	0	0	0	
...							
Tổng số:							

Hướng dẫn cách ghi biểu:

(*) Phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố xét xử, theo dõi thi hành pháp luật, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật

- Cột (4), (5): Điền dấu "X"

- Cột (6): Nhập nội dung khi tích "X" tại cột (5)